

Khổng Tử Và Các Nho Gia Khổng Môn Đã Hình Thành Dân Tộc Và Đất Nước Trung Hoa Như Thế Nào?

Kể từ thời Dân Quốc sau khi nhà Thanh sụp đổ tới nay nước Tàu đã được trình bày như một đất nước từ mấy ngàn năm nay đã nằm trên một địa bàn rộng lớn như hiện tại và có một dân tộc thuần chủng gọi là tộc Hán.

Thực ra thì chính sử gia Will Durant từ năm 1935 đã thắc mắc: “*Không ai biết dân tộc Tàu từ đâu đến, thuộc giống người nào, đã văn minh từ bao lâu rồi?*” (1)

Wolfram Eberhard, giáo sư đại học California đã từng giảng dạy tại đại học Bắc Kinh và đã để ra nhiều năm nghiên cứu về phong tục, tín ngưỡng của các sắc dân tại Nam Trung Quốc, cũng đã nhận định như sau: “*Ý kiến cho rằng chủng tộc Hán đã sản sinh ra nền văn minh cao đại hoàn toàn tự lực do chính những tài năng đặc biệt của họ thì nay đã không thể đứng vững. Hiện nay người ta đã biết rằng xưa kia không có một chủng tộc Tàu và ngay cả người Tàu cũng chẳng có nữa...Người Tàu thực ra chỉ là sự pha trộn dần dần theo một tiến trình vừa phiến toái, vừa lâu dài của nhiều bộ tộc khác nhau. Vì thế, chúng ta thấy rằng không hề có một nước Tàu văn minh với chung quanh toàn là những dân tộc man di mọi rợ, mà chỉ có một nước Tàu và các quốc gia chung quanh cũng văn minh như họ theo một đường lối khác*” (2)

Giáo sư W.J.F Jenner, Giám đốc Trung Tâm Trung Quốc đại học quốc gia Úc Đại Lợi tại Canberra cũng phải nhận định rằng “*Chúng ta đã chấp nhận nước Tàu trong quá khứ cũng như hiện tại, hầu như là một chuyện dĩ nhiên đến nỗi chúng ta cảm thấy có vẻ như là ngây thơ để hỏi rằng bằng cách nào nó đã tiến từ nguồn gốc xa xưa mù mịt tới cái tình trạng hiện nay*” (3) và “*Về nguồn gốc của người Tàu thì các bằng chứng quá mỏng manh để cho phép ta có được một điều gì vững chãi hơn là phỏng đoán*” (3bis). Riêng về vấn đề chủng tộc GS Jenner đã có nhận xét như sau “*Cho tới nay vấn đề huyền thoại hóa lịch sử đã đạt được hiệu năng đáng kể là chẳng những **hư cấu** ra một Hán tộc độc nhất mà lại còn - và đây là một chiến thắng lẫy lừng hơn nữa - được người ta chấp nhận*” (4)

Muốn tìm hiểu thành quả của quá trình huyền thoại hóa lịch sử và hư cấu hóa kể trên, chúng ta phải đi ngược dòng lịch sử, trở về thời Xuân Thu Chiến Quốc với con người (Khổng Tử) mơ phục hoạt nhà Chu không thành, nhưng các môn sinh của ông đã thành công trong sự nghiệp kiến lập mô hình độc tôn Nho học, phục vụ giai cấp thống trị chuyên chế với bộ mặt giả hình “ngoại nho nội pháp” vào đời Hán.

I- Quá Trình Hư Cấu Hán Tộc Của Khổng Môn:

1- Ý đồ khởi thủy một triều đại nối tiếp theo Chu vào những thập niên khoảng 500 năm trước Tây lịch “Khổng Tử đã hư cấu ra một phiên bản tưởng tượng và lý tưởng hóa về một số định chế xã hội và chính trị vào lúc khởi đầu của nhà Chu cách thời đại của ông ta chừng nửa thế kỷ.” (.....) Theo bức tranh thiếu thực tế của Khổng Tử về thời đại hoàng kim này thì tất cả mọi tầng lớp trong xã hội đều hành xử theo đúng danh phận, trên ra trên dưới ra dưới (chính danh định phận) (...) Đại đa số dân chúng, đàn bà và “tiểu nhân” đều bị loại ra khỏi chính trường (5). Khổng Tử và các môn sinh đã bôn ba từ quê hương mình (nước Lỗ) đến bao nhiêu nước khác tìm cách bán rao mô hình lý tưởng thời hoàng kim nhà Chu mà rút cuộc thất bại, cuối cùng phải rút về nước Lỗ, soạn Kinh Xuân Thu để lại cho đời sau. Kinh Xuân Thu là một nỗ lực thể hiện lý tưởng chính trị của tác giả về chế độ đẳng cấp phong kiến, phân phong hoàn mỹ dưới quyền lực tập trung của “Thiên tử” nhà Chu trước kia (6)

Sau khi Khổng Tử mất, các nho gia Khổng môn đã huyền thoại hóa Khổng Tử cho là chính ông ta đã được Trời trao cho nhiệm vụ khai thủy một triều đại tiếp theo nhà Chu cho nên về mặt lý tưởng mà nói, dầu không ngại vàng, không đất đai, ông đã trở thành ông vua cai trị toàn cả đế quốc (7) (...).

Theo phần đông người bấy giờ thì Khổng Tử là vị thần sống...biết rằng sau ông, một ngày kia nhà Hán (206 trước CN - 220 CN) sẽ lên ngôi và do đó, ông vạch rõ trong Kinh Xuân Thu một lý tưởng chính trị toàn hảo mà người Hán sau này phải thực hiện. Sự tôn sùng ông ấy là vinh quang tột đỉnh của Khổng Tử, và vào giữa đời Hán, ta có thể coi Nho học là một tôn giáo. Giữa vào thời ấy xuất hiện một loại văn học gọi là “vĩ thư”, thực ra chỉ là “ngụy tác” của người đời Hán.

Theo những sách đó thì Khổng Tử là một thần nhân, một siêu nhân, có thể đoán được tương lai. Theo triết gia Phùng Hữu Lan nếu những quan niệm kia mà thắng thì ở Trung Quốc Khổng Tử đã chiếm một địa vị tương tự như của Da Tô Cơ Đốc và Nho học đã trở thành một tôn giáo, theo nghĩa chính xác của danh từ.”

Vì nghịch lý nội tại của Khổng Giáo coi vua như con trời “thiên tử”, thiên hạ không thể có hai mặt trời (hai vua) nên các nho gia “duy thực” và ”duy lý” đã chỉ trình bày Khổng Tử như một nhà “hiền triết” một bậc “thầy muôn thuở”.

Tuy nhiên tới thế kỷ thứ 20, sau khi lật đổ nhà Thanh, thành lập nền Cộng Hòa vào năm 1912, môn đồ của Khang Hữu Vi đòi hỏi trong dự thảo hiến pháp đầu tiên của Cộng Hòa Trung Hoa phải coi Nho giáo như là quốc giáo. Vì thế kỷ 20 không phải là thế kỷ của tôn giáo, và cùng lúc ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo bị giới hạn chính tự nó tại Trung Quốc nên phong trào thành lập Nho giáo bị chết non (9). Sau một cuộc tranh luận gay go, người ta phải đi đến chỗ dung hòa “Hiến pháp xác nhận rằng Trung Hoa Dân Quốc sẽ áp dụng Nho giáo, không phải như là một quốc giáo mà như là một nguyên lý căn bản cho hệ thống đạo đức.

Hiến pháp ấy không bao giờ được áp dụng, và từ đó người ta không bao giờ còn nghe Nho học là tôn giáo, trong ý nghĩa Khang Hữu Vi đã đem lại cho từ ấy (10).

2- Hai vị “nho tông” nhà Hán đã văn trị hóa nhà Hán ra sao?

a- Bối cảnh của đế quốc Hán thời mới sáng lập: Những người sáng lập ra đế quốc Hán đều là bình dân. Lưu Bang là một gã vô lại không lo làm ăn, Tiêu Hà là một viên lại, Phàn Khoái là một đồ tể giết chó, Hạ Hầu Anh là một mã phu, Quán Anh làm nghề bán sọt, Chu Bội thối kèn thuê cho đám ma, Bành Việt là một người đánh cá, Kinh Bố là một kẻ tội đồ bị thích chữ lên mặt, Hàn Tín là một tên lưu manh “nghèo mà vô hạnh”. Trong đó chỉ có một số ít người như Trương Lương, Trần Bình là từng được học hành. Những người ấy bắt đầu tham gia cách mạng, trong vòng vài năm thống nhất được Trung Quốc, xây dựng đế quốc thống nhất lần thứ hai. Lưu Bang làm Hoàng Đế, những người kia đều làm vương hầu tướng văn tướng võ của triều đình mới. Thê thiếp của họ cũng đều trở thành mệnh phụ của triều đình mới. Anh em con cháu của Lưu Bang đều được phong Vương. Chính trị dưới quyền của một bọn nhà què như thế quả thật có chỗ đáng sợ. Bành Việt, Hàn Tín đều chết dưới tay một người đàn bà tàn nhẫn. Sau khi Cao Tổ chết, Lữ Hậu trị nước tới mười lăm năm (194 đến 180 trước công nguyên), chính trị như bản hỗn loạn (11).

Nhà Hán dấy lên, tiếp thu mối tệ của nhà Tần, chư hầu đều nổi dậy, dân mất nghề thường mà rất đói kém, một thạch gạo giá năm ngàn (*Sử ký, Bình chuẩn thư* nói “mỗi thạch gạo giá một vạn đồng”). Người ta ăn thịt nhau, chết mất quá nửa. Cao Tổ bèn cho dân được bán con tới tỵ thực ở Thục Hán. Khi thiên hạ đã định, dân không có nhà cửa, xe thiên tử cũng không có bốn con ngựa cùng màu lông, còn các quan tướng có khi đi xe bò” (12).

Lưu Bang tuy làm Hoàng Đế, nhưng ông cảm thấy bọn bạn bè “mổ chó bán sọt” cũ rất khó đối phó. Quần thần uống rượu tranh công, lúc say có kẻ quát lớn, tuốt kiếm đập vào cột. Cao Đế lo lắm (13).

Trong bối cảnh rối loạn như vậy hai vị “nho tông nhà Hán” là Thúc Tôn Thông và Đổng Trọng Thư đã khéo léo “cải biến” mô hình phục hoạt nhà Chu của Thầy vào việc “văn trị hóa” nhà Hán.

b- Thúc Tôn Thông (chết khoảng 180 tr CN): Thúc Tôn Thông người đất Triết, nước Sở, thời Tần Thủy Hoàng được giữ chức Bác sĩ Đãi chiếu, sau bỏ trốn dưới triều Tần Nhị Thế, bỏ theo Hạng Võ rồi Sở Hoài Vương, sau Sở Hoài Vương chết ông lại trở lại làm thủ hạ cho Hạng Võ, đến năm nhà Hán thứ hai mới ra đầu hàng Hán Vương. Nho sinh nước Lỗ chửi ông là “thờ cả chục người, đều nhờ sàm nịnh mà được phú quý”. Tư Mã Thiên đã mô tả thủ đoạn tròn trịa của ông như sau: *Thúc Tôn Thông mặc quần áo nhà nho, bị Hán Vương ghét, bèn thay mặc áo ngắn của Sở, Hán Vương bèn vui vẻ*” (14).

Thúc Tôn Thông rất tinh ý, cảm thấy Hán Vương rất khó chịu với đám bạn bè “mổ chó bán sọt” bèn tâu: “*Phàm nhà Nho khó có thể cùng sáng nghiệp nhưng có thể cùng giữ nghiệp*” và đề nghị trưng tập đệ tử để cùng lập ra triều nghi (nghi thức triều chính) sau đó cùng những tả hữu có học của vua và đệ tử của mình hơn trăm người định ra quý chế, ra đồng trống luyện tập, sau một tháng Hán Vương duyệt qua chấp nhận, bèn sai quần thần học tập (15).

Sử ký ghi chép lần đầu tiên tiến hành nghi thức mới trong triều rất là thú vị:

“Tháng mười, năm thứ bảy nhà Hán, cung Trường Lạc xây xong, tháng mười chư hầu quần thần đều vào chầu (lúc bấy giờ lấy tháng mười làm tháng đầu năm).

Triều nghi: Sáng sớm, các Yết giả Tri lễ theo thứ tự vào điện. Trong đình dàn ra quân ky, quân bộ, quân túc vệ, bày binh khí, dương cờ xí. Lời truyền nói: Cho vào! Các Lang trung dưới điện tới gần bệ, có mấy trăm người. Các công thần liệt hầu, tướng quân, quân sư theo thứ tự dàn ra hai bên Tây Đông. Quan văn từ Thừa tướng trở xuống đứng phía Đông, phía Tây, quan Đại hành sắp xếp những người xướng lệnh từ trên xuống dưới.

Lúc đó liền cửa Hoàng Đế tiến ra, bách quan cầm hốt theo đường cảnh, dẫn chư hầu chư vương trở xuống tới các quan lương sáu trăm thạch theo thứ tự hầu giá. Từ chư Hầu chư Vương trở xuống, không ai không nơm nớp nghiêm trang kính cẩn. Đến khi làm lễ xong đều trở về chỗ.

Đặt rượu lễ, chư hầu ngồi trên điện, đều lạy phục xuống, ngẩng đầu lên. Rồi theo thứ tự cao thấp bước lên mừng thọ. Rượu được chín vòng, Yết giả nói: Dẹp rượu! Sai kẻ lại chấp pháp nêu ra những người không biết nghi thức dẫn ra ngoài. Bữa rượu trong triều hôm ấy không ai dám ồn ào thất lễ.

Lúc ấy Cao Đế nói: Hôm nay ta mới biết Hoàng Đế là tôn quý! Bèn phong Thúc Tôn Thông làm Thái thường, thưởng cho năm trăm cân vàng. Thúc Tôn thông nhân đó tâu: Các đệ tử chư sinh theo thần đã lâu, cùng thần lập ra nghi thức, xin bệ hạ ban cho chức tước. Cao Đế phong tất cả làm quan lang. Thúc Tôn Thông ra, chia hết năm trăm cân vàng cho chư sinh, chư sinh đều vui vẻ nói: Thúc Tôn sinh thật là thánh nhân, biết việc trọng yếu của đời nay!”.

Câu chuyện định triều nghi này có ý nghĩa rất quan trọng. Thứ nhất, đây là lần đầu tiên nho sinh được sử dụng hàng loạt dưới thời đế quốc Hán. Thứ hai, đây là lần đầu tiên đế quốc Hán ngồi trên lưng ngựa mà lấy được thiên hạ bắt đầu được văn trị hóa. Thứ ba, đây là lần đầu tiên cách mạng của bình dân sau khi lật đổ chế độ của đế quốc Tần tiến hành xây dựng chính thể chuyên chế. Ba điều ấy đều có ý nghĩa lịch sử không gì lớn bằng. Lưu Bang vốn là một gã lưu manh, rất coi thường văn sĩ nho sinh, thậm chí tới mức “Khách khứa đội mũ nhà nho tới chơi, Bái công thường giật mũ của họ ra đi tiểu vào, nói chuyện với người thường chửi mắng” (Sử ký, quyển 97) (15 bic)

Từ một gã vô lại đi tiểu vào mũ nhà nho trở thành một tín đồ của Khổng Tử, thực là một bước tiến dài nhờ thủ đoạn tròn trịa của Thúc Tôn Thống. Thúc Tôn Thống đã từng quen nhìn thấy sự oai nghiêm trong cung đình của Tần Nhị Thế, nên cái nghi thức của ông rất khiến bọn lưu manh nhà quê mỗ chó bán sọt khiếp sợ. Theo Hồ Thích thì cái “cống hiến lớn nhất” của Thúc Tôn Thông chỉ là **“dạy cho Hán Cao Tổ giống Tần Thủy Hoàng thêm một chút mà thôi” (16).**

Sau này khi Hiếu Huệ Đế lên ngôi, ông lại được mời **định ra nghi thức cho tông miếu nhà Hán**. Sau khi Huệ Đế chết, ông đặt ra phép đặt tên thụy cho thêm chữ Hiếu, về sau tên thụy các vua Hán đều thêm chữ “Hiếu” để tỏ ý là “lấy đại hiếu trị thiên hạ”. Theo Hồ Thích **“Đó chính là tiếng nói đầu tiên của việc Nho giáo trở thành quốc giáo”**.

Và cũng theo Hồ Thích, từ đó trở đi, ông vua chuyên chế trở thành “cha mẹ của dân” và “kẻ làm vua không làm điều sai”. Kế đó dẫn đầu thiên hạ không có cha mẹ nào không đúng, vì thế “vĩnh viễn không sao thoát khỏi cái ách chuyên chế hai tầng ấy” (17)

c- Đồng Trọng Thư: Lý Thuyết Gia Của Đế Quốc Hán.

Đồng Trọng Thư (khoảng 179 - 104 tr CN) là lý thuyết gia lớn, gốc ở miền Nam tỉnh Hà Bắc. Ông đóng vai trò trọng yếu vào việc làm cho nho gia trở thành “tín ngưỡng chính thống” của triều Hán dù phải hy sinh các học phái khác (18).

Đồng Trọng Thư đắc tội với Hoài Nam Vương bị khép vào tội chết sau được Hán Vũ Đế đặc xá. Hán Vũ Đế là một vị Hoàng đế tính tình hung bạo, nét mặt đanh ác, giết người không ghê tay, nên trong dân chúng mọi người thường lấy tên Hoàng đế ra mà hù dọa nhau. “Trẻ con khóc, mẹ nói đến tên Hán Vũ Đế là nín ngay” (19). Hán Vũ Đế đã giết hai Thừa tướng, hai Hoàng hậu, một Thái tử, hai Công chúa, hai Hoàng tôn, diệt tộc rất nhiều tới mức “kinh đô ngập máu” “có mấy vạn xác chết” “máu chảy thành ngòi” (20) Theo Hồ Thích lúc ấy Trung Quốc quả thật đã bước sâu vào thời Trung cổ. (20).

Trong bối cảnh như vậy, Đồng Trọng Thư cố gắng đưa học thuyết của Khổng vào.

Theo Đồng Trọng Thư thì nhà Tần, nhà Hán đều không phải là kế thừa trực tiếp của nhà Chu. Ông cho rằng Khổng Tử mới thật đã nhận mệnh Trời để kế tục nhà Chu và biểu thị Hắc thống. Khổng Tử không phải là vua thật sự, mà là vua theo lý luận đương nhiên.

Thuyết ấy, dẫu lạ lùng, vẫn thật do Đồng Trọng Thư và phái ông chủ trương với tất cả thiện ý. Họ cho rằng (một cách sai lầm) *Kinh Xuân Thu*, vốn là bộ sử nước Lỗ, nơi sinh trưởng của Khổng Tử, là tác phẩm chính trị của phu tử, trong ấy Khổng Tử thi hành quyền vua vừa mới nhận được. Ông biểu thị Hắc thống và thiết lập mọi cải cách song song với triều đại ấy. Đồng Trọng Thư được nổi tiếng là nhờ chú giải *Xuân Thu*. Ông có thể biện giải mọi phương

diện của triết học ông bằng những câu trích dẫn lấy từ sách ấy. Chính vì ông thường trích dẫn *Xuân thu* coi như quyền uy chính, nên sách ông nhan đề *Xuân Thu Phiền Lộ* (21).

(Theo *Đổng Trọng Thư* sự chuyển động của triều đại ăn khớp với cái ông gọi là “tam thống”: Hắc thống, Bạch thống, Xích thống. Mỗi thống có một hệ thống cai trị riêng, mỗi triều đại biểu thị một thống. Theo họ *Đổng* thì nhà Hạ biểu thị Hắc thống, Thương: Bạch thống, Chu: Xích thống, sau nhà Chu là Hắc thống.

Theo *Đổng Trọng Thư* thì tam thống không khác gì nhau. Ông chủ trương rằng: khi ông vua mới lập một triều đại là nhận được sứ mạng của Trời.

Lý thuyết theo đó nhà vua trị vì theo mệnh Trời không phải là thuyết mới. Trong bộ *Sử ký*, ta tìm thấy nhiều câu nói đến ý tưởng ấy và Mạnh Tử cũng diễn tả một cách rõ ràng. Nhưng **Đổng Trọng Thư đã làm cho thuyết ấy càng khúc triết hơn bằng cách đưa vào đó cả triết học của ông về tự nhiên và về nhân sự.**

Trong thời phong kiến, quyền hành của mọi vua chúa là do tổ tiên để lại. Ngay Tần Thủy Hoàng cũng không ngoại lệ ấy. Nhưng người sáng lập triều Hán thì khác hẳn. Từ dân áo vải, ông ta đã dành được Hoàng đế của một thế giới văn minh (theo quan điểm người Trung Quốc). Nhà vua cần tới một lối biện minh, và *Đổng Trọng Thư* đã mang lại cho ông.

Nhà Hán không những kế tiếp nhà Tần về phương diện thời gian, mà còn kế thừa biện pháp chính trị dùng bởi nhà Tần, trọng yếu hơn cả là **thống nhất tư tưởng** để tránh vết xe đổ của Tần vì các phương pháp tàn bạo lộ liễu. Hán Vũ Đế đã hình thành theo một hướng khác theo lời khuyên của *Đổng Trọng Thư*.

Đổng Trọng Thư trong thư dâng vua khoảng năm 136 tr CN có một đề nghị ảnh hưởng rất lớn tới tư tưởng học thuật Trung Quốc chính là chính sách xác định ngôi vị độc tôn của Nho học.

“Điều đại nhất thống trong Kinh *Xuân Thu* là lễ thư, trong trời đất, lời bàn luận suốt cổ kim. Nay thầy dạy đạo, người bàn đạo, trăm nhà khác cách, tôn chỉ khác nhau, nên nhà vua không **saο nắm mới nhất thống**, pháp độ thay đổi mấy lần, người dưới không biết làm sao. Thần ngu muội cho rằng những người **không học khoa lục nghệ (tức lục kinh), không theo đạo Khổng Tử thì đều cắt đường, không cho tiến thân**. Dập tắt những thuyết sai trái thiên lệch, sau đó mới giềng có thể thống nhất mà pháp độ có thể làm rõ, dầu biết phải theo đường nào. (Đối sách 3) Theo Hồ Thích chữ nghĩa và tinh thần trong kiến nghị đó đều rất giống với đề nghị của Lý Tư (Thừa tướng nhà Tần) (23).

Sau này căn cứ đề nghị của *Đổng Trọng Thư* lập Thái Học và Quân quốc tự, lấy kẻ thông kinh làm quan, qui mô chế độ giáo dục Trung Quốc định hình. Vì tài liệu giáo dục và nội dung

thì cử giới hạn trong kinh Dịch của Nho giáo **nên Nho gia bao biện luôn chế độ giáo dục và thi cử ở Trung Quốc suốt hai ngàn năm** (24). Chế độ giáo dục này đã tạo nên một tầng lớp thư lại phục vụ củng cố chế độ toàn trị.

Song song với việc “văn trị Nho hóa” chế độ bên trong nhà Hán vẫn kế thừa hình phép nhà Tần, có nhiều hình phép tàn khốc như “xử ngũ hình” “tru di tam tộc”. Hán Vũ Đế đã ngự trị một triều đại khủng bố kinh hoàng như đã dẫn ở trên. Trên thực tế mô hình “Ngoại Nho Nội Pháp” do đệ tử Khổng môn kiến lập đã khởi sự và được duy trì trong suốt giòng lịch sử Trung Quốc. Theo nhận định của Hồ Thích thì học thuyết “chính danh” của Khổng Tử bao gồm một số nhân tố, mở đầu cho triết học về Pháp, nếu không muốn nói tới cơ sở của nó (25).

Đặc biệt là các Nho gia Khổng Môn còn: “hư cấu hóa” triều đại “Nho học độc tôn” đầu tiên thành “chủng tộc duy nhất và thuần nhất” của Trung Quốc mà họ mệnh danh là “Hán tộc”. Theo Hồ Thích, trước đó chỉ có ý thức về “người nước Tề”, “người nước Tần”, “người nước Sở”, “người nước Tấn”, đến lúc ấy mới có ý thức “người Trung Quốc”. Người Hán đã thành danh từ đồng nghĩa với “người Trung Quốc” (26).

Theo Vương Sóc và Lão Hiệp (25bis) nền văn hóa Trung Quốc có “nội Nho ngoại pháp” là thật. Thuật cai trị là “Nho - Pháp” bổ sung cho nhau. “đối ngoại thì giữ Nho, giữ lễ nghĩa, bắt người khác khắc kỷ phục lễ (tự kiểm chế lòng riêng tư theo lễ nghĩa). Đấu tranh quyền lực đối nội thì toàn là cái lối của các nhà âm dương và pháp gia, thâm hiểm mà độc địa”.

Tuy vậy, trên thực tế, mặc dầu các thế hệ nho sĩ hết sức cố gắng trong công tác “thực thể hóa” hư cấu của họ qua ngôn từ chữ nghĩa như “hảo Hán tử” “Hán tự” “Hán văn” quảng đại quần chúng vẫn không chấp nhận vì bản chất độc ác xấu xa của nhà Hán, cho mãi đến thời Cộng Hòa Dân Quốc chấp nhận và Trung Cộng từ Hán tộc mới được chính thức dùng trong các văn kiện.

Thời “Ngũ Hồ Loạn Hoa Thập Lục quốc” cách gọi “người Hán” bắt đầu xuất hiện bởi dân tộc của 13 nước “thiếu số” gọi dân nội địa, sau này trở thành lời chửi người, ngay cả khí chất người Tiên Ti gần giống với người Hán cũng bị chửi là “Hán nhân” (27).

Dân Quảng Đông, mặc dù bị nhà Hán thôn phục, vẫn không chịu nhận là người “Hán” mà luôn tự xưng là “Đường nhân”. Các phố Tàu tại Âu, Mỹ, Úc từ xưa vẫn được người Hoa đặt tên là “Đường nhân nhai” (Phố người nhà Đường), chữ nho gọi là “Đường tự”, những người Hoa ở nước ngoài gọi tổ quốc của mình là “Đường Sơn” (28).

Đặc biệt thời Mông Cổ đô hộ Tàu, họ chia ra làm bốn loại người rõ rệt: người Mông Cổ, người Sắc Mục (Tây Vực và Tây Hạ), người Hán (gồm có Khiết Đan, Nữ Chân, Cao Ly và dân bản địa ở Bắc Hoàng Hà) và người Nam (các sắc dân ở Nam Dương Tử) (29).

Sự phân định này nêu rõ tính chất tạp chủng của thành phần Hán tộc ở phía Bắc và tính chất khác biệt về văn minh cũng như chủng tộc của dân miền Nam Dương Tử (Bách Việt, Văn Hóa Lúa Nước) (29).

Vì “Hán tộc” là một “chủng tộc hư cấu” nên Tôn Trung Sơn mới ví tình dân tộc Trung Quốc như “một chậu cát rời” và người Trung Quốc thường nhận định sự thiếu tính cách đoàn kết của người Trung Quốc vì “hễ buôn lỏng là loạn, hễ thống nhất là chết.” (30).

II Dừng Văn Hóa Ngụy Trang Thành Một Đất Nước

Lương Khải Siêu là một trong những học giả Trung Quốc hiếm hoi đã thừa nhận rằng Trung Hoa có nguồn gốc du mục (31).

Theo nào trạng du mục, họ không có quan niệm về yếu tố đất đai hay biên giới, nước của họ là “nước trên lưng ngựa” (mã thượng quốc). Họ sống trên thảo nguyên mênh mông, đoàn mục súc ăn hết cỏ vùng này, họ phải tìm vùng có cỏ khác, nghe theo tiếng ếch nhái mà đi (chỉ dấu là vùng có nước tức có cỏ). Biên giới không phân định rõ rệt, dưới vòm trời đâu cũng là đất nước, chỗ nào có điều kiện sống tốt thì họ coi là trung tâm dưới vòm trời và họ là chủng tộc ưu việt nhất. Với nào trạng đó khi họ tạm định cư tại lưu vực Hoàng Hà thì họ nảy sinh ra quan niệm là họ lưu ngụ tại trung tâm thế giới và là dân tộc văn minh duy nhất trong thế giới loài người. Theo triết gia Phùng Hữu Lan thì “người Trung Quốc theo truyền thống, quan niệm có ba loài sinh vật: người Trung Quốc là văn minh nhất, sau đó là Di dịch, thú vật thì hoàn toàn không có văn minh (32).

Đã thế, theo Kinh Thi do Khổng Tử san định lại có một quan niệm bao trùm tất cả dưới vòm trời này đều của vua (đĩ nhiên là vua Tàu) cả. Khắp nơi dưới vòm trời này có đất nào không phải là của vua. Bất kỳ ai ở bên bờ nào mà không phải là thần dân của Vua.

Mà Kinh Thi sau khi do Khổng Tử sửa chữa lại chỉ còn 300 bài, **còn tám phần mười đều bị ông ta bác bỏ cả**, do đó bài thơ trên rất có thể do Khổng Tử sửa chữa hay ngụy tạo. Theo Lão Hiệp “mỗi triều đại Trung Quốc đều viết sách, đều phải sửa chữa nhiều nhất là “Tư Khố Toàn Thư” đời nhà Thanh biên soạn, di sản bị tiêu diệt là bao nhiêu, khó mà rõ lắm, dù sao số lượng không phải là ít. Nghe nói Khổng Tử còn soạn cả “Xuân thu” (...)Ngoài ra Khổng Tử còn sửa chữa điển tích của người trước, so với việc đốt sách của Tần Thủy Hoàng cũng không khác gì đâu. Những sách bị sửa chữa không còn bao giờ tìm thấy nữa.(33)

Sự phối hợp nào trạng du mục và quan niệm “ăn trùm” thiên hạ, Khổng Tử và môn sinh đã đem chiêu bài văn minh văn hóa ra mà ngụy biện và ngụy trang cho đất nước Trung Hoa: nhận vợ các đất đai do kẻ xâm lược trong thời đô hộ bành trướng là đất đai của mình (Nguyễn

và Thanh). Sự tráo trở của các nhà cầm quyền Trung Quốc trong sự việc này đã được thể hiện qua hiện tượng “thắng lợi tinh thần” của A Q trong A Q chính truyện.

Về phương diện này Vương Sóc (được xếp hạng thứ ba sau Kim Dung và Lỗ Tấn) có thảo luận với Lão Hiệp mà chúng tôi xin trích sau đây: “... cứ nói ngay đến lịch sử chiến tranh đối ngoại diễn ra của dân tộc Hán chúng ta cũng biết, dân tộc Mông Cổ có một dúm người, cưỡi những con ngựa lùn bé nhỏ, xủng xoảng một hồi, chiếm hết Trung nguyên, chia người thành mấy đẳng cấp, người Hán thuộc đẳng cấp thấp nhất. Dân tộc Mãn cũng chỉ có một dúm người, cũng cưỡi ngựa bé nhỏ lùn tịt vượt qua sơn hải quan là quét sạch Trung nguyên, bắt các người để tóc đuôi sam to cộm cộm. Nhưng người dân tộc Hán cũng hóm hỉnh, hiện nay đều coi những kẻ xâm lược ngoại tộc đó là anh hùng của dân tộc mình. Từ lâu Lỗ Tấn đã từng nói đến sự hèn hạ dĩ dõm này...”(34).

Để khỏi mất thì giờ của quý vị độc giả, xin xem thêm chi tiết trong bài Tổng Quan Về Vai Trò Của Nền Văn Hóa Việt, Thường Nhục Thủy ở cuối sách này...

Kết Luận

Khổng Tử và môn sinh qua hình thức hư cấu và giả hình đã thực thể hóa một mô hình xem ra như toàn hảo trong việc thiết lập và củng cố một giai cấp thống trị toàn trị, duy trì được một nền “văn minh” biểu kiến nhiều ngàn năm. Nhưng bản chất hư cấu giả hình và áp bức của mô hình đó đã tạo nên một nền văn hóa khuyết tật.

Một trong những hậu quả của khuyết tật này là “tính không thành thật”. Học giả xã hội nổi tiếng Marx Weber trong tác phẩm Nho Giáo Và Đạo Giáo 1915 đã quyết đoán rằng “Người Trung Quốc là một dân tộc không thành thật nhất thế giới” (35). Quan điểm này cũng được chia xẻ bởi Lão Hiệp: “cái khoản nói dối và xảo quyết thì chắc chắn Trung Quốc là số một” và vấn đề của giới trí thức Trung Quốc là không biết thành thật là thế nào. (36)

Văn hào Lương Khải Siêu trong “Ấm Bạng Thế Văn Tập” (1904) cũng nhận định khái quát dân tộc tính Trung Quốc là “vũ đoán, giả dối” (37). Triết gia Hồ Thích, người cầm cờ vĩ đại của phong trào Văn Hóa mới thì cho rằng người Trung Quốc “không biết xấu hổ” (37 bis)

Một hậu quả tệ hại không kém do chủ ý của mô hình phục vụ toàn trị là tinh thần nô lệ mà Lương Khải Siêu mệnh danh là “tinh chất đầy tớ, vì mình”. Văn hào Lỗ Tấn cũng dùng cùng một cụm từ “tinh chất đầy tớ” (38). Nhà học giả Anh Russel mô tả đặc tình đó là “hèn hạ” (39).

Nhưng nguy hại hơn cả là cái quan niệm tự cao tự đại cho Trung quốc là trung tâm thế giới “dân tộc Trung quốc ưu tú nhất thế giới”.

Học giả Đài Loan Hạng Thoại kết năm 1986 trong cuốn sách “nghiên cứu tính dân tộc của Trung Quốc” đã nhận định rằng “Người Trung Quốc có ý thức sâu đậm của một nước lớn với nền lịch sử lâu đời, có khi rất ngạo mạn, khinh rẻ người ngoại quốc” (40). Văn hòa Lỗ Tấn cũng có nhận xét là người Trung Quốc “tự kiêu tự đại”. Nhà truyền giáo Mỹ là A.H Smith cũng nhận định rằng “người Trung Quốc khinh thường người nước ngoài” (41)

Cái ý thức tự coi mình là Trung tâm của thế giới đã thể hiện rõ trong cái tên đã chọn là Trung Quốc, cộng vào đó lại còn cái mầm mống chủ nghĩa bá quyền từ thời nhà Chu tiềm ẩn trong cái mô hình do họ Khổng và môn sinh thiết lập (bá là kẻ cả trong đám chư hầu, lên ngôi thiên tử khi thiên tử ngã thế) cựa nách thiên tử mà ra lệnh cho chư hầu, hiểu theo nghĩa ngày nay là “chủ nghĩa bành trướng”) “Chủ nghĩa bành trướng bá quyền” và “hội chứng Đại Hán” là hệ quả của mô hình này. Hồi còn là chư hầu của Cộng sản Nga, Mao cảm thấy có thế mạnh, đã cảm thấy mình là trung tâm, toàn Trung Quốc hô to khẩu hiệu: “Trung Quốc là trung tâm cách mạng thế giới, lãnh tụ Mao Trạch Đông vĩ đại là mặt trời hồng trong lòng nhân dân cách mạng thế giới”...Toàn dân phấn đấu tiến lên vì sự nghiệp giải phóng toàn nhân loại (42). Sau cơn ác mộng cách mạng văn hóa, nay vừa mới đổ da thối thịt nhờ cải tổ kinh tế, Trung Quốc lại to tiếng “Thế kỷ 21 là thế kỷ của Trung Quốc” (43) hoặc “Trung Quốc có thể nói “không” (Riêng đối với Việt Nam, Trung Cộng luôn luôn coi ta là chư hầu. Mao Trạch Đông khi mới chiếm Trung Quốc, trong một bài nói về biên cương cũ của Trung Quốc đã đề cập tới một số nước chư hầu Trung Quốc bị các đế quốc phương Tây chiếm đoạt, trong đó có Nhật chiếm Cao Ly, Đài Loan, Lưu Cầu, Bành Hồ. Anh chiếm Miến Điện, Buthan, Nepal và Hồng Kông; Pháp chiếm An Nam, Bồ chiếm Macao...(44) Đặng Tiểu Bình đòi dạy cho đàn em Việt Nam một “bài học” (chẳng may gây ông đập lưng ông). Giang Trạch Dân xác xược “vi hành” sang Việt Nam, ngang nhiên tắm tại Đà Nẵng nơi bãi biển mang tên China Beach. Chu Dung Cơ khi sang Việt Nam đã tới Chợ Lớn trước khi thăm thủ đô Hà Nội. Trung Cộng còn đe dọa sự ổn định của Đông Nam Á và Đông Bắc Á, điều động hải quân tại hải phận Việt Nam, Phi Luật Tân, Đài Loan, Nhật Bản, tuyên bố vương quốc Koguryo của Hàn Quốc đã thuộc Trung Quốc từ trước công nguyên.

Rộng hơn, Trung Quốc gần đây cho thế giới thấy là mục đích của Bắc Kinh tại vùng biển Đông là “tái lập với bất cứ giá nào nguyên vẹn lãnh thổ của Đế quốc”. “Nguyên vẹn lãnh thổ đó là gì? Là Đài Loan, là Biển Đông, là cái bóng của Trung Quốc trải rộng trên cái vùng mà ai cũng nói là vùng ảnh hưởng của Trung Quốc (45).

Điểm đáng lưu ý là mô hình do Khổng Tử và môn sinh kiến lập có một hấp lực rất lớn đối với các chế độ toàn trị vì hình thức giả hình “ngoại Nho (hay ngoại Vương) nội pháp”. Từ một tên lưu manh đá vào mũ nhà Nho, Lưu Bang đã chấp nhận thành một kẻ tôn thờ Khổng Tử dù chỉ là bề ngoài. Nhà Thanh, một kẻ ngoại xâm đã được tập đoàn nho sĩ chấp nhận phục vụ, coi như là một triều đại chính thống, chỉ vì Thuận Trị theo lời khuyên của “Hán (nho) gian làm một cuộc tế Khổng Tử trước Quốc Tử Giám. Tin tức lan truyền nhanh chóng trong thiên hạ, rất nhiều người Hán rơi lệ, các nho sinh, địa chủ các vùng nghe tin cảm động vô cùng,

cảm thấy vị Hoàng đế Đại Thanh không còn là một nhân vật dị tộc nữa, mà thực là “đệ tử Thánh môn, là chân mệnh thiên tử giáng phàm”, nên ý tưởng phản Thanh lúc đầu giờ đây cũng tan biến cả (46). Gần đây thủ đoạn chính trị tương tự và thủ pháp thống trị cũng đang được Trung Cộng áp dụng. Trung Cộng đã bắt đầu cho áp dụng việc giảng dạy một số đoạn trong Tứ Thư Ngũ Kinh vào bậc tiểu học và vào khoảng tháng 8 năm 2005 đã công bố sẽ trùng tu quê hương Khổng Tử tại Khúc Phụ thành một điểm du lịch. Giang Trạch Dân đề cập đến chính sách “Đại Đồng”. Hồ Cẩm Đào đề cập tới thời Tiểu Khang trong thiên lễ vận của sách Lễ Ký để áp dụng việc chấp nhận cho giới tư sản được gia nhập đảng và các đảng viên được tham dự vào các sinh hoạt kinh tế.

Nhìn chung như vậy Khổng Tử vẫn còn giá trị lợi dụng về phương diện thủ pháp chính trị và thống trị.

Qua ảnh hưởng sâu đậm của Khổng Tử và môn sinh của ông đối với Trung Quốc và ”thiên hạ” ta thấy mô hình Khổng môn đối với Trung Quốc được các nhà Trung Quốc học, trong đó có giáo sư G.S.W.J Jenner coi như là giọng kìm khắc nghiệt của lịch sử: **Trung Quốc sẽ không bao giờ dân chủ hóa nổi, vì nó bóp nghẹt ý tưởng công dân, vì tính chuyên chế của nó.**

Riêng đối với “thiên hạ” nhất là các nước lân bang, chừng nào Trung Quốc chưa gột rửa được não trạng bành trướng, bá quyền và hội chứng Đại Hán, thì ngày đó sự ổn định và toàn vẹn lãnh thổ trong vùng còn bị đe dọa.

Như vậy thì Khổng Tử, nên được coi là vận thế sư biểu hay là Thiên cổ tội nhân đối với Trung Quốc nói riêng và nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ nói chung của Việt Nam và Đông Nam Á?

THƯỜNG NHƯỢC THỦY
Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org

Chú Thích

- (1) *Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc - Will Durant - Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Văn Nghệ 1999, Trang 19*
- (2) *Tổng Quan Về Vị Trí Văn Hóa Việt - Thường Nhược Thủy - Đạo Sống Việt, trang 22*
- (3) *The Tyranny of History- W.J.F Jenner, 1992, trang 28*
- (3 bis) *ibid, trang 29*
- (4) *ibid, trang 45*

- (5) *ibid* trang 49
- (6) *Lịch Sử Logic Học Thời Tiên Tần - Hồ Thích - NXB TPHCM, Trang 93*
- (7 + 7 bis) *Đại Cương Tiết Học Trung Quốc - Phùng Hữu Lan NXB Thanh Niên trang 63*
- (8) *Đại Cương Triết Học Trung Quốc - Phùng Hữu Lan , NXB Thanh Niên trang 211*
- (9) *Đại Cương Triết Học Trung Quốc - Phùng Hữu Lan, NXB Thanh Niên - Trang 219.*
- (10) *nt* trang 219
- (11 , 12) *Lịch Sử Tư Tưởng Trung Quốc Cổ - Hồ Thích NXB TPHCM - 2004 trang 149 – 150.*
- (13) *nt* trang 129
- (14) *nt* trang 128
- (15, 15 bis) *nt* trang 130
- (16, 17) *nt* trang 133
- (18) *Đại Cương THTQ, Phùng Hữu Lan trang 196.*
- (19) *Các Triều Đại Trung Hoa, Lê Giang biên soạn, NXB Thanh Niên 1999.*
- (20) *Lịch Sử THTQ Thời Trung Cổ - Hồ Thích, trang 282.*
- (21) *Đại cương THTQ,- Phùng Hữu Lan, trang 205.*
- (22) *nt* trang 204.
- (23) *Lịch Sử THTQ Thời Trung Cổ - Hồ Thích - Trang 331.*
- (24) *Lịch Sử THTQ Thời TC - Hồ Thích, trang 337.*
- (25) *Lịch Sử Logic Học Thời Tiên Tần - Hồ Thích trang 258.*
- (25 bis) *Vương Sóc - Lão Hiệp - Đối Thoại Văn Học - NXB Văn Hóa Dân Tộc , 2000 trang 317.*
- (26) *Lịch Sử THTQ Thời TC - Hồ Thích trang 93.*
- (27) *Cội Nguồn Văn Hóa Trung Hoa - Đường Đắc Dương , NXB Hội Nhà Văn 2003 trang 51.*
- (28) *“Biết tất tật chuyện trong thiên hạ” NXB Thuận Hóa dịch từ Hán tự “Tiểu học sinh thiên hạ toàn tri đạo” 2003 trang 282.*
- (29) *Các Triều Đại Trung Hoa - Lê Giảng - NXB Thanh Niên 1999 trang 290.*
- (30) *Tìm Hiểu Văn Hóa Trung Quốc, Nhật Bản Và Hàn Quốc NXB Văn Hóa Thông Tin 2004 Trang 211.*
- (31) *Xem Đạo Sống Việt - Thường Nhược Thủy*
- (32, 32 bis) *Đại Cương THTQ - Phùng Hữu Lan, trang 193.*
- (33) *Đối Thoại Văn Học - Vương Sóc, Lão Huệp, NXB Văn Hóa Dân tộc 2000, trang 292.*
- (34) *nt* trang 245.
- (35) *Tìm Hiểu VH Người TQ, NB và Hàn Quốc - NXB VHDT 2004, trang 244.*
- (36) *Đối Thoại Văn Hóa nt* trang 192
- (37) *nt* tr 235; (37 bis) *nt* tr 237; (38) *nt* tr 235; (39) *nt* tr 244; (40) *nt* tr 239; (41) *nt* tr 243; (42) *nt* tr 313
- (43) *Đối Thoại VH* trang 193
- (44) *The Political Thoughts of Mao Tse Tung - Stuard Schram 1977 trang 375.*
- (45) *Vạn Đại Dung Thân - Cao Huy Thuần, Tham luận tại Hội Thân Hữu Đà Nẵng 2005*
- (46) *Mưu Trí Đời Nhà Thanh - Dương Ngân Sinh - NXB Phụ Nữ 2003, trang 158, 159.*